TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** TỈNH BÌNH THUẬN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2025/DS-ST
Ngày: 21-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Nguyễn Đức Binh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Sang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2025/QĐXXST-DS ngày 15/4/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2025/QĐST-DS ngày 05/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 và ông Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1966; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Ông Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân Tr:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi thường trú: Tổ U, thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

2. Ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1992;

3. Bà Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1991;

4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, sinh năm 1995;

5. Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 2000;

6. Bà Nguyễn Thị Xuân Th1, sinh năm 2004;

Cùng thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ1, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th:

1. Bà Hoàng Thị Bích Ng, sinh năm 1984; Thường trú: Tổ U1, thôn T1, xã N, huyện Đ1, tỉnh B; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

2. Bà Nguyễn Ngọc Bảo K, sinh năm 2002; Thường trú: thôn T2, xã Th, huyện Đ2, tỉnh L; Địa chỉ liên hệ: Nhà số M, đường số N, phường Ph, thành phố Th, Thành phố H.

Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 17/02/2025 và văn bản ủy quyền ngày 26/3/2025).

- Bị đơn: Bà Tống Thị Thúy Ng1, sinh năm 1976 và ông Phan Huy H, sinh năm 1971; cùng nơi cư trú: tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B.

Bà Ng, bà K, bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà Ng1, ông H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Hoàng Thị Bích Ng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Tống Thị Thúy Ng1 và ông Phan Huy H có vay mượn tiền của bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Nguyễn Xuân Tr để phục vụ cho nhu cầu của gia đình. Việc vay mượn có ghi nhận lại trong Giấy mượn tiền có chữ ký xác nhận của bà Tống Thị Thúy Ng1. Cụ thể như sau:

Ngày 23/10/2021, vợ chồng bà Tống Thị Thúy Ng1 mượn số tiền là 20.000.000 đồng. Ngày 23/10/2021, bà Ng1 có trả được 200.000 đồng tiền nợ.

Ngày 15/01/2022, vợ chồng bà Ng1 mượn thêm số tiền là 17.000.000 đồng.

Tổng số tiền vợ chồng bà Ng1 nợ vợ chồng bà H là 36.800.000 đồng.

Vợ chồng bà H đã yêu cầu vợ chồng bà Tống Thị Thúy Ng1 trả nợ nhiều lần, tuy nhiên vợ chồng bà Ng1 luôn hứa hẹn hết lần này đến lần khác, trốn tránh không trả tiền.

Nay, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Xuân Tr khởi kiện buộc bà Tống Thị Thúy Ng1 và ông Phan Huy H có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm: Tiền nợ gốc 36.800.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), tiền lãi tính từ ngày 15/01/2022 đến ngày 14/4/2025 với mức lãi suất 10%/năm là 12.103.111 đồng (Mười hai triệu một trăm lẻ ba nghìn một trăm mười một đồng). Tổng cộng số tiền phải trả là 48.903.111 đồng (Bốn mươi tám triệu chín trăm lẻ ba nghìn một trăm mười một đồng). Ngoài ra không yêu cầu tính khoản lãi nào khác.

* Tại bản tự khai ngày 21/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng trình bày:

Khoản nợ này được vợ chồng bà Ng1, ông H mượn để phục vụ cho nhu cầu gia đình nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông, bà. Vì vậy, cả hai vợ chồng bà Ng1 và ông H phải cùng chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H.

Nguyên đơn yêu cầu bà Tống Thị Thúy Ng1 và ông Phan Huy H có trách nhiệm thanh toán số tiền 43.331.288 đồng, gồm: Số tiền gốc 36.800.000 đồng; số tiền lãi tính từ ngày 02/02/2022 đến ngày 21/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc 19.800.000 đồng là 6.531.288 đồng.

Ngoài ra, sau phiên tòa xét xử sơ thẩm đến ngày bản án có hiệu lực mà bị đơn không tự nguyện trả tiền cho nguyên đơn thì bị đơn phải chịu lãi với mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trên khoản tiền nợ còn phải trả tính từ ngày có bản án sơ thẩm có hiệu lực đến ngày thanh toán xong khoản nợ cho nguyên đơn.

- Tại các bản tự khai ngày 25/3/2025, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Các ông, bà thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2025, bà Hoàng Thị Bích Ng và bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 trình bày: Thống nhất ý kiến với những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr về việc họ từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H.

- Bị đơn bà Tống Thị Thúy Ng1 và ông Phan Huy H trong suốt quá trình tố tụng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

+ Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Tống Thị Thúy Ng1, ông Phan Huy H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2025 và ngày 21/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, Điều

238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của ông Phan Huy H là bị đơn trong vụ án là chưa đúng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bởi vì hai lần bị đơn mượn tiền đều không có ông H tham gia.

+ Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ mượn tiền theo Giấy mượn tiền ngày 23/10/2021 và Giấy mượn tiền ngày 15/01/2022, số tiền đã mượn là 37.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 200.000 đồng tiền nợ gốc cho khoản mượn ngày 23/10/2021, như vậy, tổng số nợ gốc còn lại là 36.800.000 đồng. Những người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơn ông Tr thống nhất từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định. Bị đơn không đến làm việc nên không có lời khai về mục đích vay tiền, bên cạnh đó, cả hai lần ký giấy mượn đều do một mình bà Ng1 ký, trong 02 giấy mượn không ghi rõ mục đích mượn, vì vậy không có cơ sở buộc ông H chịu trách nhiệm trả tiền.

Về lãi suất: Khoản mượn ngày 23/10/2021, theo nguyên đơn, bà Ng1 đã trả 200.000 đồng tiền góp vào ngày 23/10/2021, sau đó không trả thêm được nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn yêu cầu tính lãi với mức 10%/năm từ thời điểm vi phạm là phù hợp. Khoản mượn ngày 15/01/2022 không thỏa thuận thời hạn trả, vì vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Từ đó, cần chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Ng1 trả tiền nợ gốc là 36.800.000 đồng và tiền lãi trên số tiền gốc 19.800.000 đồng với mức 10%/năm từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr; bà Hoàng Thị Bích Ng, bà Nguyễn Ngọc Bảo K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn bà Tống Thị Thúy Ng1, ông Phan Huy H đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 05/5/2025 và ngày 21/5/2025 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.2] Về tư cách tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr chết ngày 28/02/2025 theo Giấy chứng tử số 08/2025 ngày 07/3/2025. Theo bản tường trình quan hệ nhân thân; bản sao Giấy chứng tử số 26/2010, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp ngày 25/10/2010 và

bản sao Giấy khai sinh số 473 ngày 14/12/2018 của ông Nguyễn Xuân Tr do nguyên đơn nộp, thì mẹ ông Tr là bà Nguyễn Thị B3 và cha là ông Nguyễn Tr3 đã chết. Như vậy, căn cứ vào 05 bản sao Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp và Giấy chứng nhận kết hôn số 235, quyển số 01 ngày 28/02/1989 do Ủy ban nhân dân xã Đ cấp thì hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr gồm vợ là bà Nguyễn Thị H và 05 người con ruột là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1. Do đó, Tòa án đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Tr.

[1.3] Về thay đổi tư cách tham gia tố tụng: Theo quy định tại Khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng Dân sự: *"Bị đơn trong vụ án dân sự là người bị nguyên đơn khởi kiện hoặc bị cơ quan, tổ chức, cá nhân khác do Bộ luật này quy định khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án dân sự khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị người đó xâm phạm"*. Trong vụ án này, nguyên đơn cho rằng vợ chồng bà Tống Thị Thúy Ng1 và ông Phan Huy H nợ tiền của nguyên đơn, vì vậy nguyên đơn đưa ông H vào tham gia tố tụng với tư cách bị đơn là phù hợp. Như vậy, yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh về việc thay đổi tư cách tố tụng của ông Phan Huy H từ bị đơn thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không cần thiết.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện buộc vợ chồng bà Tống Thị Thúy Ng1 và ông Phan Huy H phải thanh toán số tiền 43.331.288 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), gồm: Tiền gốc 36.800.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng); tiền lãi tính từ ngày 02/02/2022 đến ngày 21/5/2025 với mức lãi suất 10%/năm trên khoản tiền nợ gốc 19.800.000 đồng là 6.531.288 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Nộp kèm là Bản chính 01 Giấy mượn tiền 02 nội dung ngày 23/10/2021 và ngày 15/01/2022.

[3] Theo Giấy mượn tiền có 02 nội dung do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thể hiện: Nội dung 01: Ngày 23/10/2021 bà Tống Thị Thúy Ng1, sinh 1976, CMND W chồng Phan Huy H sinh 1971 hiện ở tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, ĐL, BT hôm nay ngày 23/10/2021 có mượn tiền của bà H số tiền 20.000.000 đồng, góp 1 ngày 200.000, góp 100 ngày. Nội dung 02: Hôm nay ngày 15/01/2022, em Tống Thị Thúy Ng1 có mượn thêm của chị Hạnh số tiền 17.000.000 đồng. Phía dưới 02 nội dung mượn tiền đều có chữ ký của bà Tống Thị Thúy Ng1.

Căn cứ vào Giấy mượn tiền trên cùng lời trình bày của đại diện nguyên đơn thì giữa hai bên có quan hệ mượn tiền, số tiền cho mượn là 37.000.000 đồng. Theo đại diện nguyên đơn trình bày, vào ngày 23/10/2021, bà Ng1 đã trả được 200.000 đồng trong khoản tiền mượn 20.000.000 đồng ngày 23/10/2021. Hiện nay chỉ còn nợ lại 36.800.000 đồng.

[3.1] Xét thấy quá trình tố tụng, bà Ng1, ông H không đến Tòa án làm việc, không xuất trình được chứng cứ gì về số tiền nợ cũng như không có bất kỳ ý kiến nào về việc không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy tờ là của bà Ng1,

ông H, mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến làm việc và có ban hành Giấy yêu cầu cung cấp chứng cứ gửi cho bà Ng1, ông H.

[3.2] Theo Phiếu xác minh ngày 19/3/2025 tại Công an thị trấn Đức Tài có nội dung: Bà Tống Thị Thúy Ng1, sinh năm 1976 và ông Phan Huy H, sinh năm 1971 là vợ chồng, có đăng ký thường trú và sinh sống tại tổ V3, khu phố X3, thị trấn Đ4, huyện Đ1, tỉnh B. Thông tin họ tên, quan hệ vợ chồng, địa chỉ khớp với thông tin cá nhân được ghi trong giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp.

[3.3] Xét thấy, mặc dù bà Ng1, ông H có quan hệ vợ chồng hợp pháp nhưng ông H không trực tiếp ký tên vào Giấy mượn tiền, trong giấy mượn không ghi mục đích mượn tiền. Bên cạnh đó, trong quá trình làm việc, bị đơn không đến Tòa án làm việc nên không làm rõ được mục đích mượn tiền. Do đó, không có căn cứ xác định số tiền mượn để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 về nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng, vì vậy, đây là khoản nợ riêng của bà Ng1. Do đó, trách nhiệm trả số tiền này cho nguyên đơn thuộc bà Ng1.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Tr là ông Nguyễn Xuân Q, bà Nguyễn Thị Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thùy Tr1, ông Nguyễn Xuân Đ, bà Nguyễn Thị Xuân Th1 đều trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác trong vụ án này, giao toàn bộ quyền tài sản cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án cho bà H quyết định.

Như vậy cá nhân bà Ng1 có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc 36.800.000 đồng cho bà H là phù hợp. Không có căn cứ buộc ông H phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền cho bà H. Từ đó xác định, việc bà H, ông Tr khởi kiện yêu cầu bà Ng1 thanh toán số tiền nợ là có cơ sở theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về lãi suất:

[4.1] Giấy mượn tiền ngày 23/10/2021 không thỏa thuận tính lãi, trong giấy có nội dung ghi góp theo ngày, trong thời hạn 100 ngày. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không có lãi suất, có kỳ hạn. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, do đó, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi sau khi hết kỳ hạn là phù hợp.

Số tiền 20.000.000 đồng mượn ngày 23/10/2021, bà Ng1 đã trả được 200.000 đồng, nợ gốc còn lại là 19.800.000 đồng. Thời gian góp là 100 ngày, vậy ngày hết hạn góp là ngày 01/02/2022. Lãi suất sẽ được tính từ ngày 02/02/2022 với mức lãi suất 10%/năm. Người đại diện nguyên đơn xác định số tiền lãi tính từ ngày 02/02/2022 đến ngày 21/5/2025 (là 1.204 ngày) với mức lãi suất 10%/năm là 6.531.288 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Mức lãi suất này là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Giấy mượn tiền ngày 15/01/2022 không thỏa thuận lãi, trong giấy không ghi thời hạn trả. Như vậy, đây là quan hệ vay tiền không lãi suất, không kỳ

hạn. Người đại diện nguyên đơn không yêu cầu bất cứ khoản lãi nào tính đến ngày xét xử sơ thẩm nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về tạm ứng án phí: Thời điểm đóng tạm ứng án phí, bà H và ông Tr cùng đóng. Tuy nhiên, ngày 28/02/2025, ông Tr chết. Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr cùng người đại diện hợp pháp của họ trình bày từ chối nhận toàn bộ quyền tài sản, quyền và nghĩa vụ khác (bao gồm quyền nhận hoàn trả tiền tạm ứng án phí) trong vụ án và giao toàn bộ quyền tài sản, cùng với quyền và nghĩa vụ khác liên quan đến vụ án nêu trên cho nguyên đơn bà H. Vì vậy, tiền tạm ứng án phí sẽ được trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Tống Thị Thúy Ng1. Không có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Phan Huy H. Từ đó chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Tống Thị Thúy Ng1 phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 74, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Các Điều 357, 463, 466, 468, Điều 609, Điều 614 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn bà Tống Thị Thúy Ng1 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Tống Thị Thúy Ng1 có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị H số tiền 43.331.288 đồng (Bốn mươi ba triệu ba trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi tám đồng), gồm: Tiền nợ gốc 36.800.000 đồng (Ba mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng); tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền 6.531.288 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Xuân Tr đối với bị đơn ông Phan Huy H về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Tống Thị Thúy Ng1 phải chịu 2.166.564 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm sáu mươi bốn đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 1.192.000 đồng (Một triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0005165 ngày 05 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự (4);
- VKSND huyện Đức Linh (1);
- CC THADS huyện Đức Linh (1);
- TAND tỉnh Bình Thuận (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung